

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HỌC: NGỮ VĂN- KHỐI LỚP 8
(Năm học 2024 - 2025)

(Kèm theo Kế hoạch Số 662/KH- TrTHCS, ngày 27/8/2024 của trường THCS Hồng Thái Đông)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 05; Số học sinh: 190 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

Khuyết tật: 02. Diện khuyết tật: vận động và thần kinh vận động. **Diện hòa nhập:** Giảm nhẹ đánh giá môn học

Biểu hiện:

- Học sinh tay thiếu ngón, khó khăn trong quá trình viết bài và sử dụng dụng cụ (bảng, biểu, phiếu...) trong hoạt động nhóm
- Học sinh sức khỏe yếu, không thể vận động nặng, thường xuyên nghỉ học dẫn tới thiếu kiến thức môn học

Điểm mạnh: Ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô, hoà đồng với bạn bè, có ý thức học tập, có cố gắng ghi chép bài và làm bài tập, tiếp thu và nhận thức khá

CẦN:

- Bố trí chỗ ngồi gần bục giảng (phù hợp) và bàn GV.
- Xác định phân ghi bài trọng tâm cho HS, dành thời gian để học sinh ghi chép.
- Hoạt động trò chơi: Khi hoạt động nhóm không di chuyển, không yêu cầu làm thư kí nhóm. HS có thể ngồi tại chỗ để trình bày.
- Phân công học sinh giúp đỡ HSKT chia sẻ vở ghi, bài học, hướng dẫn học bài khi học sinh nghỉ học.
- Bổ sung kiến thức nêu học sinh nghỉ học.
- Phát huy việc HS diễn đạt các sản phẩm của HS tự làm được theo yêu cầu.

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 25; Trình độ đào tạo: Đại học: 24; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 22; Khá :0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0 (03 GV hợp đồng dưới 01 năm)

3. Thiết bị dạy học: Các thiết bị dạy học có thể sử dụng dạy học môn học/hoạt động giáo dục

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Bài dạy/ thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính GV	1/GV	Tất cả các bài học	
2	Ti vi	5	Tất cả các bài trong chương trình	

II. Kế hoạch dạy học:

1. Phân phối chương trình:

ST T	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
HỌC KÌ 1 (72 tiết)				
BÀI 1. CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ (12 tiết)			1. Về kiến thức: - Một số yêu cầu của truyện lịch sử. - Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương. - Bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội. - Giới thiệu về một cuốn sách. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù : Văn học, ngôn ngữ. - Nhận biết được một số yêu cầu của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học. - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.	
1	Văn bản 1: Lá cờ thêu sáu chữ vàng (3 tiết)	1,2,3		
2	Thực hành tiếng Việt: Biệt ngữ xã hội (1 tiết)	4		
3	Văn bản 2: Hoàng lê nhất thống chí - Hồi thứ 14 (2 tiết)	5,6		
4	Thực hành tiếng Việt: Từ ngữ địa phương (1 tiết)	7		
5	Văn bản 3: Ta đi tới (1 tiết)	8		
6	Viết: Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) (2 tiết)	9,10		
7	Nói và nghe: Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử). (1 tiết)	11		
8	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	12		

			3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. * Lòng ghép GD An ninh quốc phòng: Văn bản 1: Lá cờ thêu sáu chữ vàng (Nguyễn Huy Tưởng): Văn bản 2: Quang Trung đại phá quân Thanh.(Ngô gia Văn Phái): Kể về những tấm gương anh dũng, hy sinh trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp. -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
BÀI 2: VẼ ĐẸP CỔ ĐIỂN (12 tiết)			1. Về kiến thức:	
9	Văn bản 1: Thu điếu (2 tiết)	13,14	- Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật.	
10	Thực hành tiếng Việt: Từ tượng hình và từ tượng thanh (1 tiết)	15	- Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.	
11	Văn bản 2: Thiên Trường vãn vọng (2 tiết)	16,17	- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.	
12	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ đảo ngữ (1 tiết)	18	2. Về năng lực:	
13	Văn bản 3: Ca Huế trên sông Hương (1 tiết)	19	+Năng lực chung:	
14	Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật) (2 tiết)	20,21	- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập	
15	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống)	22,23	+Năng lực đặc thù :Văn học, ngôn ngữ. - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.	

	trong cuộc sống hiện tại) (2 tiết)		- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.	
16	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	24	- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái: Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm. - Kiểm tra đánh giá thường xuyên (15P) yêu cầu HS thực hiện được ở mức: nhận biết, hiểu được nội dung yêu cầu .	
BÀI 3: LỜI SỐNG NÚI (13 tiết)				
17	Văn bản 1: <i>Hịch tướng sĩ</i> (3 tiết)	25,26,27	1. Về kiến thức: - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp. - Nghị luận về một vấn đề của đời sống.	
18	Thực hành tiếng Việt: Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp (1tiết)	28	2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù : Văn học, ngôn ngữ. - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách	
19	Văn bản 2: <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> (2 tiết)	29,30		

			quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản, - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. 3. Về phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm: Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng. * Lòng ghép GD An ninh quốc phòng: Văn bản 1: Hịch Tướng sĩ.(Trần Quốc Tuấn): Ca ngợi lòng dũng cảm, sự gan dạ hy sinh của các anh bộ đội. Văn bản 2: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, (HCM): Kể về những tấm gương anh dũng của thiếu niên- giáo dục lòng yêu nước. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
20	Ôn tập giữa kì I (2 tiết)	31,32	1. Về kiến thức: - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các truyện lịch sử, chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc - Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật. - Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.	

			- Đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp. - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc và kiểu văn bản nghị luận. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Hướng học sinh tới các năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, hợp tác, v.v... +Năng lực đặc thù: - Năng lực ngôn ngữ khi ôn luyện nội dung các văn bản đọc. - Năng lực viết khi trình bày suy nghĩ, cảm nhận trong bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt chăm chỉ, trung thực, tích cực học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập của mình. * <u>HSKT (khuyết tật vận động)</u>: Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
21	Kiểm tra giữa kì I (2 tiết)	33,34	1. Về kiến thức: - Có kiến thức đọc hiểu văn bản về các thể loại/ chủ đề đã học; hiểu được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. 2. Về năng lực:	

			+Năng lực chung: - Tự chủ và tự học ,giải quyết vấn đề và sáng tạo +Năng lực đặc thù: - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. * HSKT (khuyết tật vận động): Bài kiểm tra giữa kì thực hiện tương đối các năng lực như học sinh bình thường trong lớp ở các mức độ: nhận biết, hiểu, vận dụng. Với nội dung vận dụng cao HS thực hiện ở mức độ biết.	
BÀI 3: LỜI SỐNG NÚI (13 tiết) (tiếp theo)				
22	Thực hành tiếng Việt: Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp (1 tiết)	35	1. Về kiến thức: - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp. - Nghị luận về một vấn đề của đời sống. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù : Văn học, ngôn ngữ. - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.	
23	Văn bản 3: <i>Nam quốc sơn hà</i> (1 tiết)	36		
24	Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống(con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước) (2 tiết)	37,38		
25	Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh) (2 tiết)	39,40		

26	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	41	- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản, - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. 3. Về phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm: Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
27	Đọc mở rộng- Trả bài kiểm tra giữa kì I. (1 tiết)	42	1. Về kiến thức: - Đọc mở rộng: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng được học trong bài 1,2,3 để tự đọc những văn bản mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những văn bản chính đã học; trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng tại lớp - Trả bài KT: HS nhận biết ưu, nhược điểm của bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì I. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp..	

			+Năng lực đặc thù: - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. - Rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc hiểu, viết bài văn . - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ: thực hiện nhiệm vụ được giao * <u>HSKT (khuyết tật vận động)</u>: Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp.	
BÀI 4. TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ (12 tiết)			1. Về kiến thức: - Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật. - Tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt. - Phân tích một tác phẩm văn học. - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù : Văn học, ngôn ngữ. - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.	
28	Văn bản 1: Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu (2 tiết)	43,44		
29	Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt (1 tiết)	45		
30	Văn bản 2: Lai tân (2 tiết)	46,47		
31	Thực hành tiếng Việt: Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ. (1 tiết)	48		
32	Văn bản 3: Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng (1 tiết)	49		
33	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) (2 tiết)	50,51		

34	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống) (2 tiết)	52,53	- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó: hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. 3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm - Kiểm tra đánh giá thường xuyên (15P) yêu cầu HS thực hiện được ở mức: nhận biết, hiểu được nội dung yêu cầu	
BÀI 5. NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI (12 tiết)			1. Về kiến thức:	
36	Văn bản 1: <i>Trưởng giả học làm sang</i> (3 tiết)	55,56,57	- Một số yếu tố của hài kịch và truyện cười. - Câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.	
37	Thực hành tiếng Việt: Câu hỏi tu từ (1 tiết)	58	- Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.	
38	Văn bản 2: <i>Chùm truyện cười dân gian Việt Nam</i> (2 tiết)	59,60	2. Về năng lực:	
39	Văn bản 3: <i>Chùm ca dao trào phúng</i> (1 tiết)	61	+Năng lực chung:	
40	Thực hành tiếng Việt: : Nghĩa tường minh và hàm ẩn của câu (1 tiết)	62	- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù :	

			- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. - Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. - Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. 2. Về phẩm chất: Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
41	Ôn tập cuối kì I (2 tiết)	63,64	1. Về kiến thức: - Nội dung kiến thức đã học trong học kỳ I về: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù - Ôn tập, củng cố được kiến thức đã học; đánh giá được kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn về các thể loại/ chủ đề đã học (yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.	

			- Một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng; một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ); nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó: hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ; câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống 3. Về phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt chăm chỉ, trung thực, tích cực học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập của mình. * <u>HSKT (khuyết tật vận động)</u>: Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
42	Kiểm tra cuối kì I (2 tiết)	65,66	1. Về kiến thức: - Có kiến thức đọc hiểu văn bản về các thể loại/ chủ đề đã học; hiểu được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó: hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ; câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.	

			- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. 2. Về năng lực: - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. * HSKT (khuyến tât vận động): Bài kiểm tra cuối kì thực hiện tương đối các năng lực như học sinh bình thường trong lớp: nhận biết, hiểu, vận dụng. Với nội dung vận dụng cao HS thực hiện ở mức độ biết.	
BÀI 5. NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI (12 tiết) (tiếp theo)				
43	Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) (2 tiết)	67,68	1. Về kiến thức: - Một số yếu tố của hài kịch và truyện cười. - Câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu. - Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.	
44	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) (1 tiết)	69		
45	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	70		

			- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. - Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. 2. Về phẩm chất: Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
46	Đọc mở rộng (1 tiết)	71	1. Về kiến thức: - Kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi : với bài 4,5 - Kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới: thơ trào phúng, hài kịch, truyện cười 2. Về năng lực: - HS chia sẻ kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 4,5 -HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới : thơ trào phúng, hài kịch, truyện cười 3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp.	
47	Trả bài kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	72	1. Về kiến thức:	

			- Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, thực hành tiếng Việt, viết bài văn nghị luận. 2. Về năng lực: NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. - Rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. 3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi	
HỌC KÌ 2 (68 tiết)				
BÀI 6: CHÂN DUNG CUỘC SỐNG (12 tiết)			1. Về kiến thức: - Các chi tiết tiêu biểu của tác phẩm văn học. - Trọ từ, thán từ - Viết bài văn phân tích TPVH 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học. - Hiểu và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. - Liên hệ được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. - Nhận biết được đặc điểm của trỏ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.	
48	Văn bản 1: <i>Mắt sói</i> (3 tiết)	73,74,75		
49	Thực hành tiếng Việt: Trỏ từ (1 tiết)	76		
50	Văn bản 2: <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> (2 tiết)	77,78		
51	Thực hành tiếng Việt: Thán từ (1 tiết)	79		
52	Văn bản 3: <i>Bếp lửa</i> (1 tiết)	80		
53	Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện) (2 tiết)	81,82		
54	Nói và nghe: Giới thiệu về một cuốn sách (truyện) (1 tiết)	83		
55	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	84		

			- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. 3. Về phẩm chất: Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm - Kiểm tra đánh giá thường xuyên (15P) yêu cầu HS thực hiện được ở mức: nhận biết, hiểu được nội dung yêu cầu	
BÀI 7: TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG (12 TIẾT)			1. Về kiến thức: - Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của thơ - Làm một bài thơ tự do - Nêu ý kiến về một vấn đề trong đời sống 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản. - Bước đầu biết làm một bài thơ tự do; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. 3. Về phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao. * Lòng ghép GD An ninh quốc phòng:	
56	Văn bản 1: Đồng chí (2 tiết)	85,86		
57	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ- Nghĩa của từ ngữ (1 tiết)	87		
58	Văn bản 2: Lá đỏ (1 tiết)	88		
59	Văn bản 3: Những ngôi sao xa xôi (2 tiết)	89,90		
60	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ- Nghĩa của từ ngữ (1 tiết)	91		
61	Viết: Tập làm một bài thơ tự do (1 tiết)	92		
62	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do (2 tiết)	93,94		
63	Nói và nghe: Thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi.(được gọi ra từ tác phẩm văn học đã học) (1 tiết)	95		
64	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	96		

			- Văn bản 1. Đồng chí (Chinh Hữu): Ca ngợi lòng dũng cảm, sự gan dạ hy sinh của các anh bộ đội. Văn bản 3: Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê): Những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
65	Đọc mở rộng (1 tiết)	97	1. Về kiến thức: - Kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi : với bài 6,7 - Kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới: về cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến; thơ tự do 2. Về năng lực: - HS chia sẻ kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 6,7 -HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới về cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến; thơ tự do 3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp	
BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT (12 tiết)				
66	Văn bản 1: Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam (3 tiết)	98,99, 100	1. Về kiến thức: - Văn nghị luận - Các thành phần biệt lập trong câu. - Phân tích một tác phẩm văn học 2. Về năng lực: +Năng lực chung:	

			- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. 3. Về phẩm chất: Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
67	Ôn tập giữa kì II (2 tiết)	101,102	1. Về kiến thức: - Kiến thức đã học về các thể loại văn bản đã đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về Tiếng Việt đã học ở bài 6,7. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Về năng lực: +Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...Năng lực ngôn ngữ, NL văn học... +Năng lực đặc thù:	

			- Củng cố kiến thức về đặc trưng của chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến; nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Ôn tập kiến thức về đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả; đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu; biết cách sử dụng trợ từ, thán từ; các thành phần biệt lập khi tạo lập văn bản. - Rèn kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ, trung thực, tích cực học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập của mình. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè . Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm - Mức độ vận dụng HS thực hiện tương đối được yêu cầu.	
68	Kiểm tra giữa kì II (2 tiết)	103.104	1. Về kiến thức: - Có kiến thức đọc hiểu văn bản về các thể loại/ chủ đề đã học; hiểu được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến; nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. - Nhận biết trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. 2. Về năng lực:	

			- Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. * HSKT (khuyết tật vận động): Bài kiểm tra giữa kì thực hiện tương đối các năng lực như học sinh bình thường trong lớp: nhận biết, hiểu, vận dụng. Với nội dung vận dụng cao HS thực hiện ở mức độ biết.	
BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT (12 tiết) (tiếp theo)			1. Về kiến thức: - Văn nghị luận - Các thành phần biệt lập trong câu. - Phân tích một tác phẩm văn học 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.	
69	Thực hành tiếng Việt: Thành phần biệt lập (1 tiết)	105		
70	Văn bản 2: Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa (2 tiết)	106,107		
71	Thực hành tiếng Việt: Thành phần biệt lập (1 tiết)	108		
72	Văn bản 3: Xe đêm (1 tiết)	109		
73	Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện) (2 tiết)	110,111		
74	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay) (1 tiết)	112		
75	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	113		

			3. Về phẩm chất: Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm.	
76	Trả bài kiểm tra giữa kì 2 (1 tiết)	114	1. Về kiến thức: - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, thực hành tiếng Việt, viết bài văn nghị luận. 2. Về năng lực: NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. - Rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. 3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi * HSKT (khuyết tật vận động): HS biết chia sẻ, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm.	
BÀI 9: HÔM NAY VÀ NGÀY MAI (12 tiết)			1. Về kiến thức:	
77	Văn bản 1: Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ (2 tiết)	115,116	- Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu một bộ phim, văn bản thông tin. - Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù: - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu một bộ phim và	
78	Thực hành tiếng Việt: Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói (1 tiết)	117		
79	Văn bản 2: Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim Hành tinh của chúng ta (2 tiết)	118,119		

80	Thực hành tiếng Việt: Câu phủ định và câu khẳng định (1 tiết)	120	cách trình bày thông tin trong văn bản; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.	
81	Văn bản 3: Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton (1 tiết)	121	- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ; liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.	
82	Viết: Viết văn bản thuyết minh, giải thích một hiện tượng tự nhiên (2 tiết)	122,123	- Nhận biết được các kiểu câu phân loại theo mục đích nói; phân biệt được câu phủ định và câu khẳng định.	
83	Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống (1 tiết)	124	- Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.	
84	Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.(tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân) (1 tiết)	125	- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. 3. Về phẩm chất: Thể hiện được thái độ quan tâm những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.	
85	Chỉnh sửa bài viết - Củng cố, mở rộng- Thực hành đọc (1 tiết)	126	* HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp -Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè. Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm -Kiểm tra đánh giá thường xuyên (15P) yêu cầu HS thực hiện được ở mức: nhận biết, hiểu được nội dung yêu cầu	
86	Đọc mở rộng (1 tiết)	127	1. Về kiến thức: - Kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi : với bài 8,9 - Kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới: về văn bản nghị luận văn học; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học; Văn bản thông tin; mục đích của văn bản thông tin, mối quan hệ giữa văn bản thông tin khách quan và ý kiến chủ quan 2. Về năng lực:	

			- HS chia sẻ kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 8,9 -HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để tự đọc những VB mới về văn bản nghị luận văn học và văn bản thông tin 3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ * <u>HSKT (khuyết tật vận động)</u>: Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp	
BÀI 10: SÁCH – NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH (8 Tiết)				
87	Đọc: Thách thức đầu tiên – Đọc như một hành trình (3 tiết)	128,129, 130	1. Về kiến thức: - Văn bản giới thiệu một cuốn sách. - Văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách. - Giới thiệu về một cuốn sách 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù: - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách. - Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học. - Viết được văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề	

			tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. 3. Về phẩm chất: Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè . Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm - Mức độ vận dụng HS thực hiện tương đối yêu cầu.	
88	Ôn tập cuối học kì II (2 tiết)	131,132	1. Về kiến thức: - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các thể loại văn bản đã đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về Tiếng Việt đã học trong Học kì II. - Tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Về năng lực: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...Năng lực ngôn ngữ, NL văn học... - Ôn tập kiến thức về văn bản thông tin và văn bản nghị luận văn học; nhận biết và thực hành sử dụng được câu phân loại theo mục đích nói, câu khẳng định, câu phủ định. -Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống. 3. Về phẩm chất: - Trung thực, tích cực học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập của mình. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp	
89	Kiểm tra cuối kì II (2 tiết)	133,134	1. Về kiến thức:	

			- Có kiến thức đọc hiểu văn bản về các thể loại/ chủ đề đã học các yếu tố của văn bản thông tin và văn bản nghị luận văn học; nhận biết và thực hành sử dụng được câu phân loại theo mục đích nói, câu khẳng định, câu phủ định. -Viết: Viết được bài văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện). 2. Về năng lực: - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. * HSKT (khuyết tật vận động): Bài kiểm tra cuối kì thực hiện tương đối các năng lực như học sinh bình thường trong lớp: nhận biết, hiểu, vận dụng. Với nội dung vận dụng cao HS thực hiện ở mức độ biết.	
BÀI 10: SÁCH – NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH (8 Tiết) (tiếp theo)			1. Về kiến thức: - Văn bản giới thiệu một cuốn sách. - Văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách. - Giới thiệu về một cuốn sách 2. Về năng lực: +Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập +Năng lực đặc thù: - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách.	
90	Viết: Thách thức thứ hai- Kết nối cộng đồng người đọc (3 tiết)	135,136, 137		
91	Nói và nghe: Về đích: Ngày hội với sách (2 tiết)	138,139		

			- Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học. - Viết được văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. 3. Về phẩm chất: Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng. * HSKT (khuyết tật vận động): Thực hiện các năng lực như học sinh bình thường trong lớp - Khi hoạt động phải di chuyển: HSKT có sự giúp đỡ của GV hoặc bạn bè . Không tham gia làm thư kí khi hoạt động nhóm - Mức độ vận dụng HS thực hiện tương đối yêu cầu.	
92	Trả bài kiểm tra cuối kì II (1 tiết)	140	1. Về kiến thức: - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, thực hành tiếng Việt, viết bài văn nghị luận. 2. Về năng lực: NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. - Nhận thức và xác định giá trị: Nhận thức được mức độ kiến thức của bản thân thông qua kết quả bài làm, qua nhận xét của giáo viên. Đánh giá đúng giá trị của bài văn. - Giao tiếp: lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ ý tưởng cảm nhận của bản thân khi nhận xét bài của bạn trong lớp. - Giáo dục học sinh ý thức tự sửa chữa những lỗi về diễn đạt về chính tả và câu chữ,...	

			3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi * HSKT (khuyết tật vận động): HS biết chia sẻ, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm.	
--	--	--	---	--

2. Kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ:

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	Bài 1,2,3	5- 7 phút	Tuần 1- 7	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	Sản phẩm HS
Thường xuyên (2)	Bài 2	15 phút	Tuần 6	Yêu cầu bài viết, thang đánh giá, phiếu rubic	Sản phẩm HS
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2,3	90 phút	Tuần 9	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT viết –kết hợp trắc nghiệm với tự luận (TN 60%. TL 40%)
Thường xuyên (3)	Bài 4,5	5- 7phút	Tuần 10 -15	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập,	Sản phẩm HS
Thường xuyên (4)	Bài 4	15 phút	Tuần 13,14	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK - cuối học kì 1	Bài 3 - 5	90 phút	Tuần 17	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT viết –Tự luận (đọc hiểu 60%. Làm văn 40%)
Thường xuyên (5)	Bài 6, 7	5- 7 phút	Tuần 19 - 23	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập,	Sản phẩm HS
Thường xuyên (6)	Bài 6	15 phút	Tuần 21	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK- giữa học kì 2	Bài 6,7	90 phút	Tuần 26	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT viết –Tự luận (đọc hiểu 60%. Làm văn 40%)
Thường xuyên (7)	Bài 8,9,10	5 - 10 phút	Tuần 27- 33	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập,	Sản phẩm HS
Thường xuyên (8)	Bài 9	15 phút	Tuần 30	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK - cuối học kì 2	Bài 7-10	90 phút	Tuần 34	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT viết –Tự luận (đọc hiểu 60%. Làm văn 40%)

